

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Năm Báo cáo: 2008

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 tiền thân là Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên, được thành lập theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 05 năm 1999 của Tổng Công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng đội xây lắp điện 2 và Tổng đội xây lắp và thí nghiệm điện. Là một đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc Công ty xây lắp điện 3.

- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Năm 2003, thực hiện Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 46/2002/NĐ-BCN ngày 22 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc tổ chức lại Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty mẹ nhà nước trực thuộc Bộ công nghiệp và Quyết định số 54/2002/QĐ-BCN ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty xây lắp điện 3, thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Thực hiện Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07 tháng 08 năm 2003 về việc chuyển Xí nghiệp xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty xây lắp điện 3 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Quyết định số 146/2003/QĐ-BCN ngày 11 tháng 09 năm 2003 về việc sửa đổi khoản 1 Điều 1 Quyết định 132. Ngày 19 tháng 11 năm 2003, Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 được long trọng tổ chức, trở thành Công ty hạch toán độc lập và là Công ty con trong hệ thống các Công ty con của Công ty xây lắp điện 3.

Khi Công ty xây lắp điện 3 - Công ty mẹ Nhà nước cổ phần hoá theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp, Công ty cổ phần xây lắp điện 3.8 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 theo Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành điện của đất nước nói chung và của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam nói riêng, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 đang từng bước trưởng thành, phát triển không ngừng, khẳng định uy tín, vị thế của mình với quy mô và chất lượng các công trình đã và đang thi công. Xứng đáng là một trong những đơn vị mạnh trong hệ thống Công ty Con của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam

(VNECO). Nhằm đẩy mạnh năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

- Niêm yết:

Hiện nay Công ty chưa niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

- Các sự kiện khác:

Cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Tổng Công ty CP xây dựng điện Việt Nam (Đại diện phần vốn Nhà nước)	27.545	55,09	
Cổ đông là CBCNV Cty VNECO 8	22.455	44,91	Có 146 cổ đông

2. Quá trình phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh:

Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao. Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ;

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;

Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí;

Khai thác, kinh doanh đá xây dựng, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;

Kinh doanh vật tư, thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;

Kinh doanh vận tải hàng hoá;

Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;

Hoạt động sản xuất, mua bán điện;

Đầu tư kinh doanh bất động sản (nhà, đất);

Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

Đại lý ô tô, phụ tùng ô tô các loại.

- Tình hình hoạt động:

Công ty đang tập trung đầu tư vào các hệ thống phát triển nguồn điện thuộc Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO) và tham gia đấu thầu xây lắp các công trình lưới điện Quốc gia và các địa phương trên cả nước.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Hàng năm Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân trên 10%.

Đấu thầu xây lắp các công trình điện trên địa bàn cả nước. Thị trường chính là các công trình điện miền Nam, miền Trung và Tây Nguyên.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trước mắt Công ty đầu tư bổ sung dây chuyên sản xuất ống cống ly tâm tại khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jú, tỉnh Đắk Nông.

Công ty sẽ phát triển đa ngành đa nghề: sản xuất công nghiệp, dân dụng, đầu tư các nhà máy điện độc lập, sản xuất và kinh doanh điện, kinh doanh bất động sản nhưng vẫn lấy ngành xây lắp điện làm trọng tâm.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2008:

Trong điều kiện nền kinh tế lạm phát, thể lệ tín dụng thắt chặt và đặc biệt giá cả vật tư tăng đột biến đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT đã chỉ đạo thành công một số vấn đề nổi bật sau:

Các công trình chuyển tiếp từ năm 2007 sang năm 2008 rất nhiều, cùng với kết quả thắng thầu một số công trình trong năm 2008 nên công việc giao cho các đội xây lắp ổn định trong cả năm, không có đội nào phải chờ việc dài ngày. Thu nhập của người lao động đạt 1.902.000 đồng/người/tháng là một nỗ lực rất lớn.

Thành công lớn nhất trong năm qua là Công ty đã đưa dự án Nhà máy bê tông ly tâm Đắk Nông chính thức đi vào hoạt động vào quý IV/2008 và đã có đầu ra rất ổn định.

Ngoài ra việc hoàn thành bàn giao trên 12 công trình lớn nhỏ cho Chủ đầu tư là một thành công ngoài dự kiến:

Stt	Nội dung - Tên công trình	Quy mô công trình	Giá trị HĐ (tr. đồng)	Chủ đầu tư	Thời gian bàn giao
I	Công trình xây lắp đường dây và TBA				
1	ĐZ 110kV Nhà máy xi măng Tây Ninh	7,093 km-1 mạch	3.182	BQLDAĐLMN-C.ty ĐL2	10/2008
2	Các lộ ra TBA 110/22kV Thanh Hoá - Long An	3,147 km	2.100	Điện lực Long An	07/2008
3	ĐZ 35kV An Khê - Ka Nak (Gói thầu số 18b);	4,215 km	2.610	BQLDA Thủy điện 7	12/2008
4	ĐZ 110kV cấp điện cho trạm 110kV Thị Vải và trạm Posco	4,63 km-4 mạch	4.740	BQLDAĐLMN-C.ty ĐL2	12/2008
5	ĐZ 110kV Nhà máy xi măng Long An	0,9 km	2.840	BQLDAĐLMN-C.ty ĐL2	12/2008
6	ĐZ 22kV Đắk Tih	2,117 km-1 mạch	2.363	Tổng công ty XD số 1	07/2008

7	ĐZ 220kV Rạch Giá - Cà Mau	9,56 km-2 mạch	3.219	BQLDA CCTĐ miền Nam	08/2008
8	ĐZ 220kV Tuy Hoà - Nha Trang (Gói 7)	18,924 km	3.671	BQLDA CCTĐ miền Trung	12/2008
9	ĐZ 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hoà	11,531 km	1.300	BQLDA CCTĐ miền Trung	12/2008
10	TBA 110kV Bình Long	40MVA	5.736	BQLDAĐLMN-C.ty ĐL2	09/2008
II Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp					
1	Nhà BTS và cột ăng ten (Viễn thông Đắk Lắk - Đắk Nông)	12 nhà trạm BTS-13 cột	2.661	Viễn thông Đắk Lắk - Đắk Nông	07/2008
2	Nhà BTS và cột ăng ten (Điện lực Đắk Lắk)	15 nhà trạm BTS-15 cột	2.000	Công ty ĐL 3	10/2008
3	Tuyến AC và phụ trợ	53 trạm	929	Viễn thông Đắk Lắk - Đắk Nông	12/2008
13	Tổng cộng:		37.351		

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2008:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	K ho ch n m 2008	Th c hi n n m 2008	Tỉ lệ% (5/4)
1	2	3	4	5	6
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	20.000	11.307	57%
2	Số lao động bình quân	Người	200	163	82%
3	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	84.223	81.354	97%
-	<i>Giá trị xây lắp</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>76.223</i>	<i>78.982</i>	<i>104%</i>
-	<i>Giá trị sản xuất công nghiệp</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>8.000</i>	<i>2.372</i>	<i>30%</i>
4	Doanh thu	Tr.đ	39.129	20.102	51%
-	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>31.129</i>	<i>17.730</i>	<i>57%</i>
-	<i>Doanh thu SXCN</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>8.000</i>	<i>2.372</i>	<i>30%</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.975	141,6	5%
6	Nộp ngân sách	Tr.đ	1.557	1.083	70%
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	7.000	7.200	103%
8	Thu nhập bình quân	Trđ/n/t	2,000	1,902	95%
9	Cổ tức bình quân	%	14%	0,59%	4,21%
10	Tỷ suất LN/Vốn	%	14,88%	1,25%	8,4%
11	Tỷ suất LN/DT	%	7,60%	0,7%	9,2%

Do sự suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng, đặc biệt là các doanh nghiệp xây lắp. Trong năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 đạt hiệu quả kinh tế tương đối thấp:

- Doanh thu thuần đạt: 20.102.182.950 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 141.933.868 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 109.147.134 đồng;
- Lợi nhuận sau khi trích các quỹ: 66.433.548 đồng.

- Tỷ lệ lợi tức trên 1 cổ phần đạt: 0,59%.

Năm 2008, nhìn chung kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra; một số chỉ tiêu chủ yếu vẫn chưa đạt được, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị sản lượng đạt: 97% kế hoạch.
- Tổng doanh thu đạt: 51% kế hoạch.
- Thu nhập bình quân đạt: 95% kế hoạch.
- Cổ tức bình quân đạt: 4,21% kế hoạch.

Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Do giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến, đặc biệt là giá sắt thép có thời gian tăng gấp 2 đến 3 lần so với giá trúng thầu, việc thanh toán phân chênh lệch giá với Chủ đầu tư chưa được thực hiện.

- Việc làm cho lực lượng xe máy thi công không được liên tục, phần lớn xe máy phải nằm chờ việc mà vẫn phải trả lương, phải trích khấu hao, hiệu suất sử dụng tài sản thấp.

- Tình hình thanh toán vốn của các Chủ đầu tư còn rất chậm dẫn đến vòng quay vốn lưu động không đảm bảo. Lãi suất cho vay của các ngân hàng quá cao, vào khoảng cuối quý 3 đến hết quý 4/2008 lên tới 21%/năm, đồng thời ngân hàng còn thắt chặt các khoản cho vay và hạ hạn mức cho vay gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Một số công trình đơn vị đang thi công do giá cả tăng đột biến so với thời điểm đấu thầu, quyết toán thu hồi vốn chậm nên đạt hiệu quả không cao. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc thi công chậm tiến độ. Công tác di chuyển quân nhiều, chi phí quản lý cao, ...

Trên đây là giải trình nguyên nhân hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 không đạt kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đã họp phân tích rõ nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng quản trị và có những biện pháp khắc phục, để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 và những năm tiếp theo đạt hiệu quả tốt hơn.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm 2008:

Dự án đầu tư xây dựng chuyên sản xuất cột bê tông ly tâm tại Khu công nghiệp Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với tổng mức đầu tư trong năm 2008 (giai đoạn 1) là: 7.200.000.000 đồng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Mở rộng đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, trong đó lấy ngành truyền thống của công ty là xây lắp điện làm trọng tâm và là nền móng cho sự phát triển. Đồng thời từng bước tham gia kinh doanh các lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dịch vụ, xây dựng và kinh doanh điện năng (nhà máy thủy điện). Tập trung đẩy nhanh phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trên ba lĩnh vực chính: Xây lắp điện; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; và thương mại, dịch vụ.

Tiếp tục mở rộng đầu tư xây dựng dự án nhà máy BTLT Đắc Nông: Đầu tư thêm khuôn cột, giàn cầu để tăng năng suất phù hợp với phương án tăng ca với tổng mức đầu tư bổ sung khoảng 500.000.000 đồng; Đầu tư dây chuyền ống cống ly tâm khoảng 1.500.000.000 đồng.

Đầu tư tại khu đất số 07 Nguyễn Thị Định, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk theo một trong các lĩnh vực sau:

- + Đầu tư xây dựng siêu thị vật liệu xây dựng;
- + Thành lập đại lý cấp 1 phân phối ô tô tải hạng nhẹ để thay thế các chủng loại xe cơ giới thô sơ;
- + Đầu tư xây dựng khu phức hợp nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ giải trí;
- + Lập khu thương mại kinh doanh máy nông cụ, kinh doanh phân bón và các mặt hàng chủ lực khác phù hợp với lĩnh vực nông nghiệp tại Tây Nguyên.

Đối với khu đất tại số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk, về lâu dài sẽ nghiên cứu đầu tư xây dựng khu phức hợp nhà hàng, khách sạn và văn phòng làm việc của Công ty nhằm tận dụng không gian đất và tận dụng các lợi thế sẵn có của một vị trí nằm gần trung tâm thành phố.

Xây dựng hoàn chỉnh đề án kinh doanh điện năng bằng việc đầu tư xây dựng một nhà máy thủy điện có công suất từ 5-10MW, bao gồm: Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý, tiến hành phương án huy động vốn đầu tư xây dựng trong những năm tới.

- Tăng vốn điều lệ để tăng vốn kinh doanh và đảm bảo tài chính đối ứng để đầu tư vào các dự án của Công ty, liên doanh, liên kết cũng như đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác. Việc tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành thêm cổ phiếu phổ thông ưu tiên cho các cổ đông sáng lập, ngoài ra tính toán mời các cổ đông chiến lược mua cổ phần ưu đãi khi đầu tư dự án mới; tiến hành chuẩn bị các bước cần thiết để phát hành cổ phiếu đấu giá ra bên ngoài khi có nhu cầu. Trong 5 năm tới vốn điều lệ Công ty ít nhất phải tăng gấp 5 lần so với hiện nay đạt 80 đến 100 tỷ đồng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2008

Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: đ)

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	21.135.887.712	19.306.517.950
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.061.777.539	1.258.079.815
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		

3	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.333.489.843	6.273.792.277
4	Hàng tồn kho	6.375.027.091	10.139.005.185
5	Tài sản ngắn hạn khác	5.365.593.239	1.635.640.673
II	Tài sản dài hạn	5.597.549.197	14.848.353.047
1	Tài sản cố định	4.693.440.077	12.308.353.050
	- TSCĐ hữu hình	3.433.509.077	9.931.153.700
	- TSCĐ vô hình	1.257.477.000	1.257.477.000
	- Chi phí XDCB dở dang	2.454.000	1.119.722.350
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	782.881.000	2.500.000.000
3	Tài sản dài hạn khác	121.228.120	39.999.997
IV	Nợ phải trả	14.729.410.698	22.282.871.043
1	Nợ ngắn hạn	14.055.617.201	15.559.504.523
2	Nợ dài hạn	673.793.497	6.723.366.520
V	Vốn chủ sở hữu	12.004.026.211	11.871.999.954
1	Vốn chủ sở hữu	11.949.683.762	11.891.834.376
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.307.962.888	11.307.962.888
	- Quỹ đầu tư phát triển	464.591.861	497.378.594
	- Quỹ dự phòng tài chính	177.129.013	10.132.494
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.360.400
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	54.342.449	(19.834.422)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	54.342.449	(19.834.422)

Kết quả hoạt động kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng & CC dịch vụ	20.285.966.376	20.102.182.950
2	D.thu thuần về bán hàng & CC Dvụ	20.285.966.376	20.102.182.950
3	Giá vốn hàng bán	16.316.124.490	17.344.728.933
4	LN gộp về bán hàng & CC dịch vụ	3.969.841.886	2.757.454.017
5	Doanh thu hoạt động tài chính	8.695.609	10.038.860
6	Chi phí hoạt động tài chính	857.531.663	905.822.259
7	Chi phí bán hàng	94.873.943	129.972.372

8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.344.997.320	1.556.554.907
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	1.681.134.569	175.143.339
10	Thu nhập khác	104.080.952	59.047.619
11	Chi phí khác	165.419.571	92.257.090
12	Lợi nhuận khác	(61.338.619)	(33.209.471)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.705.508.956	141.933.868
14	Thuế thu nhập DN hiện hành	246.696.222	32.786.734
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1.458.812.734	109.147.134
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.630	96,52
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	12%	0.59%

Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Danh mục	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,5	1,4
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,57
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,61
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,31	1,55
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,1	2,4
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,9	0,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,2	0,4
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,7	0,9
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,8	0,4
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,3	0,9

Năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hầu hết không đạt kế hoạch cho nên các chỉ tiêu về tài chính bằng và giảm so với năm 2007.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 34.154.870.997 đồng.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường): 1.130.796 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 1.130.796 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ cổ phiếu theo từng loại (nếu có): Không.
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0,59%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Th c h i n n m 2007	K h o c h n m 2008	Th c h i n n m 2008	Tỉ lệ% (6/5)	Tỉ lệ% (6/4)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Vốn điều lệ thực góp	Triệu đ	11.307	20.000	11.307	57	100
2	Số lao động bình quân	Người	159	200	163	82	103
3	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	92.156	84.223	81.354	97	88
-	<i>Giá trị xây lắp</i>	<i>Tr.đ</i>		76.223	78.982	104	
	Hợp đồng với VNECO làm tổng B	Tr.đ		51.231	54.450	106	
	Đơn vị tự tìm kiếm	Tr.đ		24.992	24.532	98	
-	<i>Giá trị sản xuất công nghiệp</i>	<i>Tr.đ</i>		8.000	2.372	30	
4	Doanh thu	Tr.đ	20.285	39.129	20.102	51	99
-	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>Tr.đ</i>		31.129	17.730	57	
	Hợp đồng với VNECO làm tổng B	Tr.đ		17.637	4.806	27	
	Đơn vị tự tìm kiếm	Tr.đ		13.492	12.924	96	
-	<i>Doanh thu SXCN</i>	<i>Tr.đ</i>		8.000	2.372	30	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.025	2.975	141,6	5	7
6	Nộp ngân sách	Tr.đ	899	1.557	1.083	70	120
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đ	0	7.000	7.200	103	0
	Vốn tự có	Tr.đ			1.200		
	Vốn vay	Tr.đ			6.000		
8.	Sản phẩm chủ yếu						
	Số km đường dây, số MVA	Km MVA			15 40		
	Sản xuất cột BTLT	Cột		5.500	1.114	20	
9	Thu nhập bình quân	Trđ/n/t	1,800	2,000	1,902	95	105
10	Cổ tức bình quân	%	12,22	14	0,59%	4,21	4,82

Năm 2008, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được thấp hơn so với kế hoạch đề ra; một số chỉ tiêu chủ yếu vẫn chưa đạt được, cụ thể như sau:

- Tổng giá trị sản lượng đạt 97% kế hoạch và đạt 88% so với năm 2007.
- Tổng doanh thu đạt 51% kế hoạch và đạt 99% so với năm 2007.

- Thu nhập bình quân đạt 95% kế hoạch và đạt 105% so với năm 2007.

- Cổ tức bình quân đạt 4,21% kế hoạch và đạt 4,82% so với năm 2007.

Các công trình năm 2007 chuyển qua như: Các công trình của Tổng Công ty giao gồm có: ĐZ 220kV Ô Môn - Thốt Nốt (gói 5); ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng; ĐZ 220kV Tuy Hoà - Nha Trang (gói 6, gói 7); ĐZ 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hoà; ĐZ 220kV Cà Mau - Rạch Giá. Các công trình Công ty tự tìm kiếm đó là: TBA 110kV Bình Long; NXT và ĐZ 110kV cấp điện cho NMXM Tây Ninh; Các lộ ra TBA 110/22kV Thạnh Hoá - Long An; Nhà BTS và cột ăng ten (viễn thông Đắc Lắc - Đắc Nông); Nhà BTS và cột ăng ten; Tuyến AC và phụ trợ; ĐZ trung áp và các TBA 22/0,4kV phục vụ thi công nhà máy thủy điện Đắc Tih; ĐZ 35kV An Khê - Kanak (gói 18b).

Các công trình Tổng công ty giao thi công trong năm 2008 như: ĐZ 220kV Đồng Nai 3 - Đắc Nông; Đấu nối TBA 220kV Châu Đốc; khối lượng bổ sung ĐZ 220kV Tuy Hoà - Nha Trang (gói 6) và sự nỗ lực rất lớn của Công ty trong việc tìm kiếm công việc như: ĐZ 110kV Cấp điện cho nhà máy xi măng Long An; ĐZ 110kV 4 mạch cấp điện trạm 110kV Thị Vải và trạm Posco. Mặc dù số lượng công trình nhiều nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên hiệu quả mang lại của những công trình là rất thấp.

Nhóm các công trình vướng đền bù giải phóng mặt bằng kéo dài gồm có: ĐZ 220kV Ô Môn - Thốt Nốt, ĐZ 220kV Tuy Hoà - Nha Trang (gói số 6), ĐZ 110kV cấp điện cho nhà máy xi măng Tây Ninh, các lộ ra TBA 110kV Thạnh Hoá - Long An, ĐZ 110kV 4 mạch cấp điện cho trạm Thị Vải, Posco.

Một số công trình bị lỗ do giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến như: TBA 110kV Bình Long, ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng, công trình Nhà BTS và cột ăng ten viễn thông Đắc Lắc - Đắc Nông, ĐZ 35kV An Khê - Ka Nak (gói 18b), ĐZ 110kV Cái Dầu - Phú Tân (khoảng vượt sông Hậu).

Đối với công tác sản xuất cột bê tông ly tâm: Nhà máy bê tông ly tâm Đắc Nông chính thức đi vào hoạt động từ quý 4/2008. Do vậy số lượng cột sản xuất trong năm rất thấp so với kế hoạch.

Mặt khác vì mục tiêu chống lạm phát nên các ngân hàng tìm mọi biện pháp tăng lãi suất cho vay, làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận. Bên cạnh đó, việc tiếp cận vốn với các ngân hàng rất khó khăn, không đảm bảo vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Do vậy hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng giảm sút.

Doanh thu đạt 51% so với kế hoạch và giảm 1% so với năm 2007. Lợi nhuận sau thuế giảm quá lớn so với kế hoạch năm 2008 và lợi nhuận năm 2007.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 không đạt kế hoạch nguyên nhân như đã trình bày trong phần báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đã họp và phân tích rõ nguyên nhân và xác định rõ trách nhiệm của Giám đốc Công ty, Ban điều hành và có những

biện pháp nhằm khắc phục để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi cho những năm tiếp theo.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty đã hoàn thiện dần các Quy chế quản lý: Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, ... phù hợp hơn với thực tế.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có các biện pháp kiểm tra chéo về công việc giữa các phòng ban, ngoài ra Ban kiểm soát Công ty từng kỳ luôn chủ động bám sát quá trình hoạt động của Công ty và đưa ra những biện pháp thiết thực.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 đặt ra mục tiêu đưa Công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành nghề; mở rộng phạm vi kinh doanh với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện, xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh điện năng; đầu tư các nhà máy điện độc lập; đẩy mạnh hoạt động đầu tư bất động sản,

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán: Báo cáo tài chính năm 2004; Báo cáo tài chính năm 2005; Báo cáo tài chính năm 2006; Báo cáo tài chính năm 2007; Báo cáo tài chính năm 2008.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Ý kiến kiểm toán độc lập: Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá những tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, được lập phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

2. Kiểm toán nội bộ: Không.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty: không.

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không

Cổ đông Tổng Công cổ phần xây dựng điện Việt Nam nắm giữ 46,4% cổ phần thực góp, ngoài ra không có tổ chức nào nắm giữ cổ phần của Công ty.

Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan.

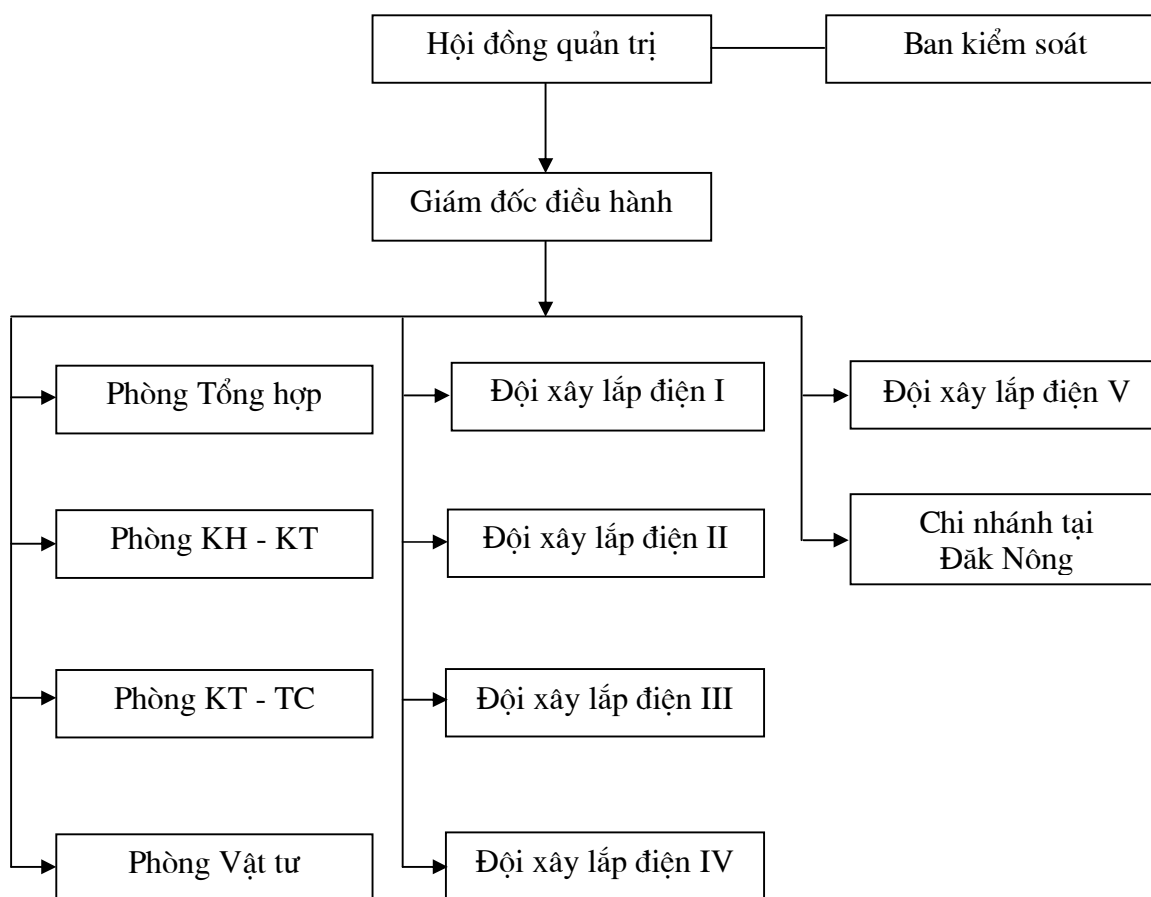
Diễn giải	Đơn vị chủ đầu tư	Giá trị (đồng)	Ghi chú
Đầu tư dài hạn công trình thủy điện	Công ty đầu tư và phát triển điện Sông Ba	2.500.000.000	Đã góp đến 31/12/2008

Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty liên quan:

Công ty đầu tư và phát triển điện Sông Ba là doanh nghiệp liên doanh về đầu tư các dự án điện giữa Công ty điện lực 3 và Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty:



Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập thường niên để tổng kết tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm trước và thống nhất phương hướng hoạt động của năm tiếp theo.

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ là 03 năm (*sẽ là 05 năm theo Điều lệ mẫu của Công ty đại chúng*).

Giám đốc là người điều hành các hoạt động thường xuyên của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn, có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Hội đồng quản trị:

1. Ông: NGUYỄN CÔNG DIỆU Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975

Nơi sinh: Triệu Phong, Quảng Trị.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Thị trấn ái Tử, Triệu Phong, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 197011674 do CA tỉnh Quảng Trị cấp ngày 01/03/2005

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng.

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

2. Ông: NGUYỄN HOÀNG NAM Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 16/09/1965

Nơi sinh: Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Địa chỉ thường trú: Hoà Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng.

Số giấy chứng thực cá nhân: PTA0774263A do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 18/07/2003

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng điện VNECO, 249 Nguyễn Tất Thành, P. Thanh Bình, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

3. Ông: NGUYỄN TẮT ÁNH

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 04/04/1965

Nơi sinh: Thuỷ Phương, Hương Thuỷ, Thừa Thiên Huế.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Thuỷ Phương, Hương Thuỷ, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ thường trú: 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 240996338 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/01/2005

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp thống kê.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tài chính - kế toán, Công ty cổ phần chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM, đường số 9, khu công nghiệp Hoà Khánh, Q. Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

4. Ông: NGÔ VĂN CUỒNG

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 30/05/1974

Nơi sinh: xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Số CMND: 201556492 do CA Đà Nẵng cấp ngày 07/04/2005

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng kỹ thuật - vật tư Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

5. Ông: NGUYỄN TIẾN CHỮ

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 30/08/1961

Nơi sinh: Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Địa chỉ thường trú: Cẩm Thăng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

Số CMND: 191805191 do CA Thừa Thiên Huế cấp ngày 11/09/2008

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật điện.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty CP xây dựng điện VNECO 8.

Ban kiểm soát:

1. Bà: HỒ THỊ HỒNG NHUNG - Trưởng ban Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1975

Nơi sinh: Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ thường trú: phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 240496360 do CA tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/11/2002

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Chuyên viên phòng Kinh tế - kỹ thuật, Ban quản lý thủy điện 5, đường Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Ông: NGUYỄN TRÁNG SỸ Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1966

Nơi sinh: Văn Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình.

Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Văn Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khối 6, P. Khánh Xuân, TP. Buôn Ma Thuột.

Số CMND: 190890583 do CA Bình Trị Thiên cấp ngày 19/04/1982

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ hiện nay: Phó Phòng Kế hoạch, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

3. Ông: NGUYỄN THỌ HUNG Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1960

Nơi sinh: Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An.

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: 159 Trần Phú, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số CMND: 183586011 do CA Hà Tĩnh cấp ngày 28/08/2004

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp thống kê.

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Tổng hợp, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8.

- Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm:

Căn cứ đơn xin từ chức Giám đốc Công ty của ông Nguyễn Hoàng Nam. HĐQT đã tổ chức họp xem xét và đã chấp thuận đồng ý cho ông Nguyễn Hoàng Nam thôi giữ chức Giám đốc Công ty, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Công Diệu làm Giám đốc điều hành Công ty từ ngày 22 tháng 02 năm 2008.

- Quyền lợi của Ban giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc thực hiện theo quy chế phân phối lương, thưởng của Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8 và thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Tổng số lao động	Người	159	163	
	<i>Trong đó: Nữ</i>	Người	13	13	
<i>1.1</i>	<i>Phân theo độ tuổi</i>	<i>Người</i>	<i>159</i>	<i>163</i>	
	Dưới 30 tuổi	Người	75	80	
	Từ 31-45	Người	76	72	
	Từ 46-50	Người	6	9	
	Trên 50 tuổi	Người	2	2	
<i>1.2</i>	<i>Hợp đồng lao động</i>	<i>Người</i>	<i>159</i>	<i>163</i>	
	Không xác định thời hạn	Người	55	51	
	Từ 1-3 năm	Người	104	112	
	Dưới 1 năm	Người	0	0	
2	Thu nhập bình quân	Đ/ng/th	1.814.000	1.902.000	
3	Thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTT				
	Số người tham gia BHXH, BHYT	Người	150	148	
	Số tiền đóng BHXH, BHYT	Đồng	507.000.000	656.619.000	
	Số người tham gia BHTT	Người	150	148	
	Số tiền đóng BHTT	Đồng	17.211.500	25.929.500	
	Trong đó:				
	- Lao động trên cao	Đồng	11.625.000	21.204.000	
	- CBCNV còn lại	Đồng	5.586.500	4.725.500	

- Thay đổi thành viên HĐQT/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

Hội đồng quản trị: có 5 thành viên, nhiệm kỳ là 3 năm (2007-2010).

Ban kiểm soát: có 3 thành viên, nhiệm kỳ là 3 năm (2007-2010).

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm sau Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2007.

Năm 2008, thay đổi kế toán trưởng: Căn cứ biên bản họp HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2008 về việc miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Tất Ánh, đồng thời bổ nhiệm ông Võ Đức Sơn làm kế toán trưởng từ ngày 22 tháng 02 năm 2008.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch Công ty:

Stt	Diễn giải	Số lượng	Tr. đó Thành viên độc lập
1	Hội đồng quản trị	05	02
2	Ban Kiểm soát	03	01

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên: Theo Điều lệ Công ty và theo quy chế hoạt động của HĐQT.

- Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Theo Điều lệ Công ty và theo quy chế hoạt động của HĐQT.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự, ...): Không.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Theo Điều lệ Công ty và theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm, đơn vị tập trung cho việc chỉ đạo thi công các công trình với chất lượng, năng suất và hiệu quả, đẩy mạnh hơn nữa công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm. Cải thiện và đào tạo để nâng cao năng lực quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý nhân sự. Trên cơ sở quản lý nhân sự theo tiêu chí chất lượng công việc và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà xây dựng kế hoạch cho công tác quản lý khác, như quản lý chất lượng công trình, quản lý vật tư, trang thiết bị xe máy. Thực hiện công tác tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tổ chức học tập triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 kết hợp với kiểm tra đánh giá hiệu quả công việc để bố trí lại cho các bộ phận thích hợp với yêu cầu công việc. Tổ chức, tạo điều kiện cho công nhân đi học các lớp công nhân

kỹ thuật để nâng cao tay nghề cho người lao động. Thực hiện sắp xếp lại lực lượng lao động cho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc. Hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường công tác kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, ngăn ngừa tệ tham nhũng, chống lãng phí, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của Công ty. Tiến hành đồng thời việc tăng cường đoàn kết nội bộ trong Công ty với việc xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Công ty đối với người lao động cũng như Hội đồng quản trị với các cổ đông.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Thực hiện theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu			Ghi chú
			01/01/08	31/12/08		
				SL	%/vốn góp	
1	Nguyễn Công Diệu	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	19.680	302.379	26,7	Do đại diện phần vốn của vneco
2	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	334.111	48.150	4,3	Do hết đại diện phần vốn của vneco
3	Nguyễn Tất Ánh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	74.170	59.170	5,23	
4	Nguyễn Tiến Chữ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	17.580	17.580	1,55	
5	Ngô Văn Cường	Thành viên HĐQT	238.738	244.252	21,6	Do thay đổi tỉ lệ

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty, của thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và

những người liên quan tới các đối tượng nói trên: thay đổi người đại diện, tỉ lệ phần vốn của Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Năm 2008, thành viên hội đồng quản trị: ông Nguyễn Tất Ánh có chuyển nhượng phần vốn góp cho 3 người với tổng số cổ phần là: 15.000 cổ phần.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Stt	Diễn giải	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tổng Cty VNECO	01	524.698	46,4	
2	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8	148	606.098	53,6	
	Tổng cộng	149	1.130.796	100,00	

Cổ đông lớn là tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 223 Trần Phú, Thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề hoạt động:

Xây lắp các công trình điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, Các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.

Thiết kế chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện BTLT, các sản phẩm bê tông khác, kinh doanh các chủng loại VLXD, ...

Sản xuất, kinh doanh điện, ...

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật, ...

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không

N i nh n:

- UBCKNN
- H QT, BKS, Giám c
- T ng t i Website vneco 8
- L u P.T ng h p

Buôn Ma Thuột, ngày 09 tháng 04 năm 2009

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(ã k ý)

Nguyễn Công Di u